

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo cho Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5-30
Bảng cân đối kế toán	5-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9-10
Bảng thanh toán thu nhập doanh nghiệp	11-30
Bảng chi phí và thu nhập từ hoạt động tài chính	31-33
Bảng chi phí và thu nhập từ hoạt động tài chính	34-35

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU
ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 32
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 30
Phụ lục 01: Chi tiết vật tư, hàng hoá giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	31 – 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, tiền thân là Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 882/998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ giao thông vận tải, hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh 103444 cấp ngày 20 tháng 7 năm 1998. Theo quyết định số 1201/QĐ-ĐS ngày 24/09/2010 của Hội đồng thành viên đường sắt Việt Nam chuyển Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn thành Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn. Hoạt động của Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301097524 ngày 08 tháng 12 năm 2010. Từ ngày 19 tháng 01 năm 2016 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301097524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nhật Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2019
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2019
Ông Phạm Văn Dũng	Ủy viên	
Ông Lê Đức Dũng	Ủy viên	

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Dũng	Giám đốc
Ông Ông Nhật Phương	Phó Giám đốc
Ông Dương Ngọc Thắng	Phó Giám đốc
Ông Đàm Ngọc Mẫn	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Đức Toàn	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2020

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Phạm Văn Dũng

Số: *DL*./2020/BCKT-AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn, được lập ngày 02 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc



Giám đốc

Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên



Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2016-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 * Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

The North Branch

LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 * Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietpb.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.353.852.622	77.321.629.277
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	3.966.529.494	1.888.999.280
1.	Tiền	111		3.966.529.494	1.888.999.280
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.220.760.732	68.269.258.878
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	57.426.838.527	62.321.654.108
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.000.000	78.552.549
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	5.505.878.951	5.869.052.221
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(755.956.746)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		8.166.562.396	7.163.371.119
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	8.166.562.396	7.163.371.119
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.536.183.723	15.985.574.055
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000	20.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	20.000.000	20.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		10.943.752.655	11.173.112.725
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	10.903.940.155	11.129.625.225
	- Nguyên giá	222		31.080.700.747	30.288.312.021
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20.176.760.592)	(19.158.686.796)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	39.812.500	43.487.500
	- Nguyên giá	228		73.500.000	73.500.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(33.687.500)	(30.012.500)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		4.572.431.068	4.792.461.330
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	4.572.431.068	4.792.461.330
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		89.890.036.345	93.307.203.332

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		49.872.359.378	55.748.870.546
I.	Nợ ngắn hạn	310		49.872.359.378	55.748.870.546
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	10.916.098.770	20.092.504.214
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	4.106.280.796	3.646.830.403
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	6.040.387.019	3.767.569.607
4.	Phải trả người lao động	314		10.220.211.652	16.309.449.148
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		73.437.021	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.659.708.265	5.431.474.311
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	15.619.769.156	6.500.000.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		236.466.699	1.042.863
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.017.676.967	37.558.332.786
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	40.017.676.967	37.558.332.786
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.741.000.000	30.741.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.741.000.000	30.741.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.693.568.286	1.084.532.786
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.583.108.681	5.732.800.000
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.583.108.681	5.732.800.000
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		89.890.036.345	93.307.203.332

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Ngô Thị Loan

Kế toán trưởng



Đỗ Đức Toàn

Giám đốc



Phạm Văn Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	199.026.810.329	141.796.743.198
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1.245.595.256	239.906.055
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		197.781.215.073	141.556.837.143
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	164.528.191.004	113.039.171.636
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.253.024.069	28.517.665.507
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	245.344.164	180.423.938
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	335.709.072	153.489.303
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		335.709.072	153.489.303
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	23.623.996.621	21.388.284.197
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.538.662.540	7.156.315.945
11.	Thu nhập khác	31		227.273	9.684.055
12.	Chi phí khác	32		48.003.169	-
13.	Lợi nhuận khác	40		(47.775.896)	9.684.055
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.490.886.644	7.166.000.000
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	1.907.777.963	1.433.200.000
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.583.108.681	5.732.800.000
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	1.976	1.364
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	1.976	1.364

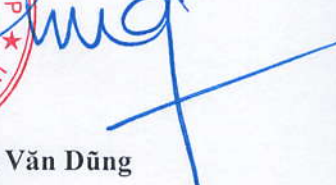
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Ngô Thị Loan

Đỗ Đức Toàn

Phạm Văn Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		220.520.008.404	169.224.517.032
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(138.354.580.797)	(89.152.809.368)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(68.516.835.196)	(58.490.497.295)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(335.709.072)	(153.489.303)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(2.150.618.326)	(911.119.989)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.088.516.031	6.188.338.202
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.210.760.424)	(25.845.422.658)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.959.979.380)	859.516.621
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(792.388.726)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	9.545.455
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		245.344.164	180.423.938
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(547.044.562)	189.969.393

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		19.709.898.054	25.610.121.800
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.590.128.898)	(35.610.121.800)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.535.215.000)	(3.381.510.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.584.554.156	(13.381.510.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		2.077.530.214	(12.332.023.986)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.888.999.280	14.221.023.266
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền tại ngày cuối năm (70 = 50+60+61)	70		3.966.529.494	1.888.999.280

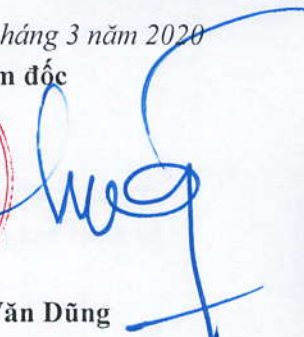
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Ngô Thị Loan

Đỗ Đức Toan

Phạm Văn Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 353 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 355 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	20 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ 10 năm.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	825.351.812	142.407.640
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.141.177.682	1.746.591.640
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>3.966.529.494</u>	<u>1.888.999.280</u>

02. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>57.426.838.527</u>	<u>62.321.654.108</u>
- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	51.077.029.987	18.624.738.538
- Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình 3	1.459.110.937	5.251.060.937
- Ban Quản lý dự án đường sắt – Khu vực 2	-	28.271.311.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	4.890.697.603	10.174.543.633
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>57.426.838.527</u>	<u>62.321.654.108</u>

Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	53.266.032.384	26.209.551.135
Phải thu của khách hàng dài hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	-
Cộng	<u>53.266.032.384</u>	<u>26.209.551.135</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	5.505.878.951	-	5.869.052.221	-
- Tạm ứng	236.854.727	-	127.272.727	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.997.330.550	-	5.741.779.494	-
- Phải thu khác	3.271.693.674	-	-	-
+ Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Thuận Hải	778.268.321	-	-	-
+ Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Phú Khánh	2.493.425.353	-	-	-
b. Dài hạn	20.000.000	-	20.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	20.000.000	-	20.000.000	-
Cộng	5.525.878.951	-	5.889.052.221	-

04. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ban Quản lý các dự án Đầu tư và Xây dựng TP Tuy Hoa	12.100.855	-	12.100.855	12.100.855
- Công ty CP Gạch Đông Nam Á <i>TNHH tự vấn TIC xây dựng APC</i>	627.100.855	-	627.100.855	627.100.855
- Xí nghiệp 303 - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công trình 3	116.755.036	-	116.755.036	116.755.036
Cộng	755.956.746	-	755.956.746	755.956.746

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.474.796.299	-	1.714.474.678	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.691.766.097	-	5.448.896.441	-
Cộng	8.166.562.396	-	7.163.371.119	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>16.617.285.407</i>	<i>5.146.842.324</i>	<i>8.484.266.290</i>	<i>39.918.000</i>	<i>30.288.312.021</i>
- Mua trong kỳ	-	-	792.388.726	-	792.388.726
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>16.617.285.407</i>	<i>5.146.842.324</i>	<i>9.276.655.016</i>	<i>39.918.000</i>	<i>31.080.700.747</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>8.228.575.297</i>	<i>3.271.613.297</i>	<i>7.625.950.065</i>	<i>32.548.137</i>	<i>19.158.686.796</i>
- Khấu hao trong kỳ	332.526.576	257.342.124	424.213.296	3.991.800	1.018.073.796
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>8.561.101.873</i>	<i>3.528.955.421</i>	<i>8.050.163.361</i>	<i>36.539.937</i>	<i>20.176.760.592</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>8.388.710.110</i>	<i>1.875.229.027</i>	<i>858.316.225</i>	<i>7.369.863</i>	<i>11.129.625.225</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>8.056.183.534</i>	<i>1.617.886.903</i>	<i>1.226.491.655</i>	<i>3.378.063</i>	<i>10.903.940.155</i>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	73.500.000	73.500.000
- Mua trong năm	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	73.500.000	73.500.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	30.012.500	30.012.500
- Khấu hao trong năm	3.675.000	3.675.000
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	33.687.500	33.687.500
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	43.487.500	43.487.500
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	39.812.500	39.812.500

08. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	-
<i>b. Dài hạn</i>	4.572.431.068	4.792.461.330
- Tiền thuê đất dài hạn	3.863.245.588	3.872.421.160
- Chi phí sửa chữa lớn	279.610.000	383.070.820
- Lợi thế kinh doanh	429.575.480	536.969.350
Cộng	4.572.431.068	4.792.461.330

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	6.500.000.000	6.500.000.000	19.709.898.054	10.590.128.898	15.619.769.156	15.619.769.156
- Vay ngân hàng	-	-	19.709.898.054	7.590.128.898	12.119.769.156	12.119.769.156
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trường Sơn ^(a)	-	-	19.709.898.054	7.590.128.898	12.119.769.156	12.119.769.156
- Vay đối tượng khác	6.500.000.000	6.500.000.000	-	3.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam ^(b)	6.500.000.000	6.500.000.000		3.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	6.500.000.000	6.500.000.000	19.709.898.054	10.590.128.898	15.619.769.156	15.619.769.156

Thông tin chi tiết về khoản vay:

(a): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trường Sơn theo hợp đồng tín dụng số 1608-LAV-201900260 ngày 02 tháng 7 năm 2019 nhằm bổ sung vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ ba, hạn mức tín dụng cho vay là 20.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay bình quân trong năm là 9%/năm.

(b): Là khoản vay tín chấp, có thời hạn 03 tháng, lãi suất 0%/năm.

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	10.916.098.770	10.916.098.770	20.092.504.214	20.092.504.214
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	3.029.937.134	3.029.937.134	1.119.130.000	1.119.130.000
- Công ty CP viễn thông tín hiệu Comsig	4.000.000.000	4.000.000.000	870.368.685	870.368.685
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	1.224.205.000	1.224.205.000	745.572.000	745.572.000
- Công ty Cổ phần Thiên Mã	1.910.400.000	1.910.400.000	851.136.000	851.136.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	751.556.636	751.556.636	16.506.297.529	16.506.297.529
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.916.098.770	10.916.098.770	20.092.504.214	20.092.504.214

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Trong đó:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	4.254.142.134	4.254.142.134	6.965.003.200	6.965.003.200
- Phải trả người bán dài hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	-	-	-
Cộng	4.254.142.134	4.254.142.134	6.965.003.200	6.965.003.200

11. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	4.106.280.796	3.646.830.403
- Trung tâm phát triển quỹ đất Khánh Hoà	1.376.433.731	1.376.433.731
- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Ninh Hoà	917.743.428	917.743.428
- Trung tâm phát triển quỹ Thành phố Nha Trang	879.872.000	879.872.000
- Công ty TNHH Đầu tư BOT Bình Lợi	597.627.527	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	334.604.110	472.781.244
b. Dài hạn	-	-
Cộng	4.106.280.796	3.646.830.403

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	2.898.701.651	8.713.056.455	6.197.398.680	-	5.414.359.426
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	868.867.956	1.907.777.963	2.150.618.326	-	626.027.593
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	331.683.348	331.683.348	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.053.940.646	2.053.940.646	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	68.403.171	68.403.171	-	-
Cộng	-	3.767.569.607	13.079.861.583	10.807.044.171	-	6.040.387.019

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	2.659.708.265	5.431.474.311
- Kinh phí công đoàn	-	63.471.092
- Bảo hiểm xã hội	-	290.216.990
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	469.276.160	472.849.160
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.190.432.105	4.604.937.069
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.950.591.255	2.461.573.689
+ Các đối tượng khác	239.840.850	2.143.363.380
b. Dài hạn	-	-
Cộng	2.659.708.265	5.431.474.311

Đơn vị tính: VND

14. **Vốn chủ sở hữu**

a. **Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	30.741.000.000	457.532.786	4.157.652.863	35.356.185.649
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	5.732.800.000	5.732.800.000
Phân phối lợi nhuận	-	627.000.000	(4.157.652.863)	(3.530.652.863)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	30.741.000.000	1.084.532.786	5.732.800.000	37.558.332.786
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	7.583.108.681	7.583.108.681
Phân phối lợi nhuận (*)	-	659.035.500	(5.732.800.000)	(5.073.764.500)
Giảm khác (**)	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Số dư cuối năm	30.741.000.000	1.693.568.286	7.583.108.681	40.017.676.967

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền VND
Chi trả cổ tức	3.535.215.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	659.035.500
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.319.549.500
Trích quỹ thưởng người quản lý công ty	219.000.000
Tổng	5.732.800.000

(**) Theo Biên bản họp ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn, Công ty sẽ sử dụng 50.000.0000 đồng từ quỹ đầu tư phát triển để tài trợ thực hiện đề tài khoa học và công nghệ trong năm 2019. Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	23.292.000.000	76	23.292.000.000	76
Vốn góp của các cổ đông khác	7.449.000.000	24	7.449.000.000	24
Cộng	30.741.000.000	100	30.741.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.741.000.000	30.741.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30.741.000.000	30.741.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.535.215.000	3.381.510.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.074.100	3.074.100
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.074.100	3.074.100
+ Cổ phiếu phổ thông	3.074.100	3.074.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.074.100	3.074.100
+ Cổ phiếu phổ thông	3.074.100	3.074.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

f. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.693.568.286	1.084.532.786
Cộng	1.693.568.286	1.084.532.786

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu quản lý, bảo trì thường xuyên	95.311.252.936	87.696.853.718
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	103.715.557.393	54.099.889.480
Cộng	199.026.810.329	141.796.743.198

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	191.896.891.197	102.982.397.355

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	1.245.595.256	239.906.055
Cộng	1.245.595.256	239.906.055

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn quản lý, bảo trì thường xuyên	67.938.692.835	63.537.497.309
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	96.589.498.169	49.501.674.327
Cộng	164.528.191.004	113.039.171.636

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	245.344.164	180.423.938
Cộng	245.344.164	180.423.938

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	335.709.072	153.489.303
Cộng	335.709.072	153.489.303

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	14.068.574.125	13.594.388.823
- Chi phí khấu hao TSCĐ	806.998.626	1.013.449.972
- Thuế, phí và lệ phí	201.126.231	456.762.928
- Chi phí dự phòng	755.956.746	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.577.949.749	1.234.883.082
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.213.391.144	5.088.799.392
Cộng	23.623.996.621	21.388.284.197

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.907.777.963	1.433.200.000
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.907.777.963	1.433.200.000

(*) Chi tiết cách xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.490.886.644	7.166.000.000
Các khoản điều chỉnh tăng	48.003.170	-
+ Chi phí không được trừ	48.003.170	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	9.538.889.814	7.166.000.000
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.907.777.963	1.433.200.000

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	7.583.108.681	5.732.800.000
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.583.108.681	5.732.800.000
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	1.507.581.000	1.538.549.500
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.074.100	3.074.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.976	1.364

(*) Tạm ước tính theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2019, Công ty công bố về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019.

Đơn vị tính: VND

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	7.583.108.681	5.732.800.000
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.583.108.681	5.732.800.000
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	1.507.581.000	1.538.549.500
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.074.100	3.074.100
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.976</u>	<u>1.364</u>

(*) Tạm ước tính theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2019, Công ty công bố về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019.

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.817.261.187	42.830.511.440
- Chi phí nhân công	83.633.194.969	77.793.689.096
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.021.748.796	1.108.674.665
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.105.727.729	4.737.264.865
- Chi phí khác bằng tiền	11.061.167.854	8.028.358.483
- Chi phí dự phòng	755.956.746	-
Cộng	<u>189.395.057.281</u>	<u>134.498.498.549</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp	2.239.849.601	1.933.668.571
Cộng	2.239.849.601	1.933.668.571

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt	Công ty liên kết với Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty CP Đầu tư & xây dựng công trình 3	Công ty liên kết với Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty CP Vĩnh Nguyên	Công ty liên kết với Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty CP in đường sắt Sài Gòn	Công ty liên kết với Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty đường sắt Việt Nam – khai thác đường sắt Sài Gòn	Thành viên Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Ban Quản lý dự án đường sắt – Khu vực 3 – Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Thành viên Tổng công ty đường sắt Việt Nam

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cung cấp dịch vụ, hàng hoá	191.896.891.197	102.982.397.355
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	191.707.754.833	98.175.520.082
- Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	-	138.819.091
- Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	-	64.240.000
- Công ty CP đầu tư & xây dựng công trình 3	189.136.364	4.603.818.182
Giảm trừ doanh thu	812.152.529	-
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	812.152.529	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	2.955.672.879	4.057.158.286
- Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	1.112.913.636	677.792.727
- Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	-	387.382.727
- Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt	-	1.568.744.546
- Công ty CP in đường sắt Sài Gòn	15.600.000	91.296.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	1.611.481.819	1.293.615.454
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	29.630.151	38.326.832
Điều chỉnh giảm giá trị dịch vụ đã mua	186.047.273	-
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	186.047.273	-
Chi trả cổ tức	2.678.580.000	2.562.120.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.678.580.000	2.562.120.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn	53.266.032.384	26.209.551.135
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	51.077.029.987	18.624.738.538
- Công ty CP đầu tư & xây dựng công trình 3	1.459.110.937	5.251.060.937
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - khai thác đường sắt Sài Gòn	16.300.000	16.300.000
- Công ty CP Vĩnh Nguyên	655.152.060	655.152.060
- Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	-	70.664.000
- Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	-	152.701.000
- Công ty cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt	58.439.400	1.438.934.600
Cộng nợ phải thu	53.266.032.384	26.209.551.135
Phải trả người bán ngắn hạn	4.254.142.134	6.965.003.200
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	-	3.293.685.000
- Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	1.224.205.000	745.572.000
- Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	-	426.121.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	3.029.937.134	1.119.130.000
- Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt	-	1.380.495.200
Phải trả khác ngắn hạn	1.950.591.255	2.461.573.689
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	1.950.591.255	2.461.573.689
Cộng nợ phải trả	6.204.733.389	9.426.576.889

03. Thông tin về bộ phận**Lĩnh vực kinh doanh:**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ sửa chữa, duy tu.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.966.529.494	-	1.888.999.280	-	(*)	(*)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.698.532.201	(755.956.746)	62.321.654.108	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
Cộng	64.665.061.695	(755.956.746)	64.210.653.388	-		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	10.916.098.770	20.092.504.214	(*)	(*)
Vay và nợ	15.619.769.156	6.500.000.000	(*)	(*)
Chi phí phải trả	73.437.021	-	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	2.190.432.105	4.604.937.069	(*)	(*)
Cộng	28.799.737.052	31.197.441.283		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày cuối năm				
Phải trả cho người bán	10.916.098.770	-	-	10.916.098.770
Vay và nợ	15.619.769.156	-	-	15.619.769.156
Chi phí phải trả	73.437.021	-	-	73.437.021
Các khoản phải trả khác	2.190.432.105	-	-	2.190.432.105
Cộng	28.799.737.052	-	-	28.799.737.052
Tại ngày đầu năm				
Phải trả cho người bán	20.092.504.214	-	-	20.092.504.214
Vay và nợ	6.500.000.000	-	-	6.500.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	4.604.937.069	-	-	4.604.937.069
Cộng	31.197.441.283	-	-	31.197.441.283

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do thay đổi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018, cụ thể:

STT	Nội dung	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.865	1.364
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.865	1.364

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Ngô Thị Loan

Kế toán trưởng



Đỗ Đức Toàn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2020

Giám đốc



Phạm Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam**

STT	Tên quy cách, vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng tại ngày 31/12/2019
1	Cáp đồng thông tin treo 10*2*0,5 mm	m	368
2	Cáp đồng thông tin treo 2*4*0,9 mm	m	864
3	Cáp đồng thông tin treo 20*2*0,5 mm	m	200
4	Cáp đồng thông tin treo 3*4*0,9 mm	m	48
5	Cáp đồng thông tin treo 5*2* 0,5 mm	m	2.256
6	Bàn gang khủy ghi	bộ	1
7	Bộ biểu trí ghi	bộ	2
8	Bộ khóa chặt	bộ	3
9	Bộ tay quay ghi điện	bộ	4
10	Cần đẩy biểu trí ghi	cái	1
11	Cần điều chỉnh độ khít lưới ghi	cái	7
12	Công tắc đạp chân	Cái	3
13	Cơ cấu đèn tín hiệu ĐN 2 BT	cái	4
14	Cơ cấu đèn tín hiệu ĐN 3 BT	cái	2
15	Cơ cấu đèn TH vào ga	bộ	1
16	Cơ cấu TH ra ga thấp	bộ	8
17	Ghi động cơ điện ZD6	bộ	1
18	Hòm biến thế	cái	3
19	Hộp khóa điện	hộp	1
20	Loa ĐN	cái	24
21	Nắp bể accu 0,9*1,2 m	cái	3
22	Nguồn UPS ZXUP S610	bộ	2
23	Rơ le TH các loại	cái	50
24	Thanh biểu thị ghi	thanh	3
25	Thanh cản chắn	thanh	2
26	Thanh động tác ghi	thanh	1
27	Thanh khóa các loại	Cái	3
28	Thân cột TH ĐN	cái	8
29	Bộ nguồn 48/30-50H	bộ	3
30	Bộ nguồn TH SZZ220/13-60	bộ	2
31	Bộ nguồn ROBOT 220/24v	bộ	6
32	Biển báo đường ngang các loại	cái	39
33	Biển áp BD-7	cái	12
34	Biển áp BX-30	cái	3
35	Biển thế BG các loại	cái	3
36	Biển áp DZD-BT	cái	9
37	Biển áp CT5	cái	1
38	Bộ UPS	bộ	3
39	Bộ nối đầu mũi ghi	bộ	1
40	Mô tơ điện	cái	2
41	Quát 12vDC -0,13A 3 dây	cái	35

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

STT	Tên quy cách, vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng tại ngày 31/12/2019
42	Quạt thông gió	cái	2
43	Quạt treo tường	cái	2
44	Block máy lạnh	cái	4
45	Bộ chuyển đổi nguồn 24v-12v	cái	12
46	Bộ muxline	bộ	2
47	Hộp cáp các loại	cái	13
48	Khủy M	cái	1
49	Máy tính	cái	1
50	PLC S7-200 CPU 224	cái	4
51	Camera	cái	19
52	Bàn đảo H	cái	20
53	Bộ phối hợp trở kháng	bộ	12
54	Dây lưỡng kim F3mm	kg	226
55	Hộp cáp TT các loại	cái	29
56	Máy điện thoại Optiset	cái	5
57	Máy ĐT ấn phím	cái	25
58	Sắt chống xà 600*40*4mm	cái	25
59	Sắt chống xà 900*40*4mm	cái	35
60	Sắt góc 100*100*10 mm 3,2m	Thanh	4
61	Sắt góc 50x50x5 mm 2,5m	Thanh	6
62	Thang cột TH	Cái	7
63	Mãng sông cáp quang	cái	31
64	Accu acid kín khí 12V-100AH	binh	116
65	Ac quy a xít kín khí 12v 70AH	binh	8
66	Accu acid kín khí 12V-35AH	binh	8
67	Accu acid 12v 7-9AH	binh	4